

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 17 /01 /2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Ông Nguyễn Chí Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 427b/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 631/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp Phú L, xã An Định, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Anh Trương Minh T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp Phú L, xã An Định, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trương Minh T1 kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T1 tham gia cờ bạc, chị khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi, nay nhận thấy tình cảm đã không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung tên Trương Hoài B, sinh ngày 28/9/2008, cháu B đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Minh T1 vắng mặt nên không có lời khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Minh T1; giao con chung là Trương Hoài B cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị T không yêu anh T1 cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Thanh T khởi kiện đối với anh Trương Minh T1 về việc yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Trương Minh T1 có nơi cư trú tại ấp Phú Lộc Hạ 1, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn anh Trương Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Trương Minh T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc do anh T1 tham gia cờ bạc, không lo cho cuộc sống gia đình chung nên chị T yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã

nhiều lần triệu tập anh Thông đến để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Do đó, có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng của chị T anh T1 đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

[2.2] Về con chung: Chị T anh T1 có 01 con chung tên Trương Hoài B, sinh ngày 28/9/2008, đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng, nguyện vọng của cháu B là muốn sống với chị T. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được nuôi cháu B. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai chị và anh T1 không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Trương Minh T1, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Minh T1.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trương Hoài B, sinh ngày 28/9/2008 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trương Minh T1 không cấp dưỡng nuôi con (do chị T không có yêu cầu).

Anh Trương Minh T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc hai bên đương sự đường quyền xin thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T khai chị và anh Trương Minh T1 không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003800 ngày 08 tháng 10 năm

2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (chị T đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã An Định (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở